

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1395/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 9 - 2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ M**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Như Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố M tham gia phiên Tòa:** Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm 2, thôn Thủ Thiện Thượng, xã Bình Nghi, huyện S, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: 26/8C ấp Mới 1, xã X, huyện H, Thành phố M (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thế Đ tự nguyện kết hôn năm 2018, Giấy chứng nhận kết hôn số 121, do Ủy ban nhân xã X, huyện H, Thành phố M cấp ngày 27/11/2018. Quá trình chung sống, ông Đ không có trách nhiệm với gia đình còn thường vô cớ bạo hành bà, không thể tiếp tục chịu đựng nên tháng 3/2021 đến nay bà và ông Đ đã ly thân. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước A, sinh ngày 10/11/2019. Từ khi vợ chồng ly thân, trẻ A sống với ông Đ và ông Đ không đồng ý cho bà được quyền trực tiếp nuôi con nên khi ly hôn bà đồng ý giao cho ông Đ được trực tiếp nuôi con chung, bà cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Đ không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Thế Đ vắng mặt không lý do.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thế Đ; ông Đ cư trú tại huyện H, Thành phố M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: ông Nguyễn Thế Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 121 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, thành phố M cấp ngày 27/11/2018 thì có cơ sở xác định quan

hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp. Nay bà T yêu cầu được ly hôn vì quá trình chung sống không hạnh phúc, bà và ông Đ đã ly thân từ tháng 3 năm 2021.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau, tuy nhiên từ đầu năm 2021 hai bên đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, theo lời trình bày của bà T thì ông Đ không quan tâm đến gia đình, bên cạnh đó từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử ông Đ không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc xin ly hôn, chứng tỏ ông Đ không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của bà T là được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của bà T thì quá trình chung sống bà và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Phước A, sinh ngày 10/11/2019. Xét trẻ A hiện đang sinh sống cùng ông Đ và bà T đồng ý để ông Đ trực tiếp nuôi con nên việc giao con chung cho ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của trẻ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này ông Nguyễn Thế Đ có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thế Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước A, sinh ngày 10/11/2019. Giao trẻ Nguyễn Phước A cho ông Nguyễn Thế Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2022 cho đến khi trẻ A đến tuổi thành niên.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên không xem xét. Nếu sau này ông Nguyễn Thế Đ có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039262 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, Thành phố M. Bà Nguyễn Thị T còn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H, TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện H, TP. HCM;
- UBND xã X, huyện H, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Oanh**